

Bản án số: 201/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thanh Vân

2. Ông Nguyễn Tấn Hậu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 454/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 438/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1999

Cư trú: Số 140/4A, khóm Đ5, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.
Nơi ở hiện nay: Tổ 6, ấp Bình Khánh, xã Mỹ Khánh, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Phan Trung T1, sinh năm 1992

Cư trú: Số 140/4A, khóm Đ5, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.
(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59, ngày 19/5/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến ngày 30/8/2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc mẹ chồng không chấp nhận cho bà T tiếp tục sống trong gia đình nên bà T phải bỏ về nhà cha mẹ ruột sống; chứng kiến sự việc xảy ra nhưng ông T1 không can ngăn mẹ chồng mà bỏ mặc và cũng thống nhất theo ý của mẹ, điều này khiến tình trạng hôn nhân giữa bà với ông T1 ngày càng trầm trọng, không còn tiếng nói chung và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và kéo dài nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phan Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/01/2021. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì từ khi sinh cho đến trước ngày ông T1 rước con thì con đều do bà T trực tiếp chăm sóc, ông T1 chỉ bắt đầu chăm sóc con từ khi 02 vợ chồng sống ly thân, lý do cháu N đang sống cùng ông T1 là vì trong thời gian ly thân ông T1 sang xin rước con về nhà thăm nội rồi cố tình giữ con và ngăn cản không cho bà T rước con về. Về cấp dưỡng, bà T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Trung T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/5/2020 như bà T trình bày. Tuy nhiên, về quan hệ hôn nhân cũng như những mâu thuẫn phát sinh trong đời sống vợ chồng, ông T1 cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc mẹ ông không chấp nhận bà T là do trong thời gian mẹ bệnh thì bà T không quan tâm, không chăm sóc mà bỏ về nhà cha mẹ ruột chơi. Khi chứng kiến sự việc xảy ra giữa mẹ với vợ, ông T1 đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng bà T không đồng ý và giận dữ kêu người nhà rước về, đã vậy gia đình vợ cũng không quan tâm hay động viên mà còn tác động bà T ly hôn với ông và vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Nay, nếu bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn thì ông thống nhất vì không thể hàn gắn được.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phan Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/01/2021. Khi ly hôn, ông T1 yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, vì từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì con do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa, bà T phải đi làm cả ngày nên không có thời gian chăm sóc tốt cho con, điều kiện gia đình bà T cũng không đảm bảo cho sự phát triển của con. Về cấp dưỡng, ông T1 không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T; về con chung, giao con chung Phan Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/01/2021 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về cấp dưỡng, bà T là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên không xét đến; về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con với ông Phan Trung T1. Ông T1 cư trú tại số 140/4A, khóm Đ5, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/5/2020, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết, bà T xác định không còn tình cảm với ông T1, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và kéo dài nên bà kiên quyết ly hôn. Ông T1 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do lỗi của bà T chứ không phải do ông, nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Xét thấy, bà T và ông T1 đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, trong thời gian ly thân mặc dù đã tìm cách hàn gắn nhưng không thành mà ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và hiện vợ chồng đã không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm và chăm sóc nhau như trước. Tại phiên tòa, ông T1 cũng không thể hiện mong muốn hàn gắn gia đình và thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà T, mặc dù Hội đồng xét xử đã động viên hàn gắn nhưng cả bà T và ông T1 đều thống nhất ly hôn, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì sẽ không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phan Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/01/2021, hiện cháu N đang sống cùng ông T1. Tại phiên tòa, cả bà T và ông T1 đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên căn cứ vào trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng mặc dù con chung đang do ông T1 chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con” và tính đến ngày xét xử (ngày 12/12/2022) thì cháu N vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi (cháu được 23 tháng 02 ngày tuổi), hơn nữa ông T1 cũng chỉ trực tiếp nuôi dưỡng cháu N từ khi ông và bà T ly thân, còn trước đó cháu vẫn do bà T và ông T1 cùng chăm sóc. Ông T1 cho rằng bà T không đủ điều kiện để chăm sóc con tốt bằng ông nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà T đã cung cấp cho Tòa án văn bản xác nhận lương ngày 20/9/2022 thể hiện hiện bà đang làm việc tại Công ty TNHH thực phẩm M2 với mức lương hàng tháng từ 4.500.000 đồng - 5.000.000 đồng, chứng tỏ bà T có việc làm và có thu nhập ổn định nên có đủ khả năng để nuôi dưỡng con, đồng thời cháu N là nữ sẽ có những phát triển về tâm sinh lý mà rất cần sự chăm sóc của mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà T là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Phan Trung T1.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phan Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/01/2021. Hiện con chung đang sống cùng ông T1

Bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000852, ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.L;
- THADS TP.L;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Hà Thị Chiền

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Chiền

